TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 16 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Phạm Thị Thu H; trú tại: Số 12B 139, Tổ 13, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Đào Phi H1; trú tại: Số 12B 139, Tổ 13, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Đào Phi H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 13 tháng 10 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của hai bên và tại phiên hòa giải ngày 09 tháng 6 năm 2020 cho thấy quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Việc chị H và anh H1 xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật,

phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H và anh H1 về việc yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Đào Minh H, sinh ngày 23/7/2010. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị Hương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cập dưỡng nuôi con: Anh Đào Phi H1 có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị Thu H là 2.000.000đồng/01 tháng, tính từ tháng 6 năm 2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H và anh H1 mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/6/2020, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị H và anh H1 gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Đào Phi H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Đào Minh H, sinh ngày 23/7/2010 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Phi H1 có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị Thu H là 2.000.000đồng/01 tháng, tính từ tháng 6/2020 đến khi cho chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh H1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh H1 cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh H1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh, chị đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu số 0005673 ngày 27/5/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận H;
- UBND phường T, quận H, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh